

Bản án số: 122/2018/HNGĐ-ST

Ngày 19/6/2018

“V/v: Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LỘC - TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Sang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Điền và ông Trần Xuân Hậu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thê là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lợi, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Lộc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 86/2018/TLST-HNGĐ ngày 17/4/2018, về việc ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2018/QĐXX-ST ngày 31 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự.

Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1980. Địa chỉ: Thôn Đ, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Đức P, sinh năm 1975. Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 17/4/2018 cùng với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn trình bày:

Trước đây chị Trần Thị T đã có một người chồng và một đứa con nhưng đã ly hôn, sau đó chị Thảo kết hôn với anh Nguyễn Đức P; hai người đăng ký kết hôn vào ngày 27/8/2010 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vợ chồng sống có hạnh phúc được thời gian 04 tháng, sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng không có con, bất đồng quan điểm sống. Từ tháng 12/2017 cho đến nay chị T và anh P sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, cuộc sống mỗi người tự lo liệu. Nay chị T không còn tình thương yêu anh P nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh P để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung, chị T không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị T trình bày không có nên chị T không yêu cầu Tòa giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện, chị T đã nộp các tài liệu, chứng cứ gồm:

Bản sao giấy chứng nhận kết hôn; Đơn xin xác nhận; Bản sao giấy chứng minh nhân dân mang tên Trần Thị T; Bản sao giấy tạm trú mang tên Trần Thị T; Bản sao sổ hộ khẩu.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án cho anh Nguyễn Đức P nhưng trong thời hạn luật định anh P không có văn bản trình bày ý kiến. Tòa án cũng đã nhiều lần thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh P đều vắng mặt.

Tại biên bản xác minh ngày 30/5/2018, gia đình anh Nguyễn Đức P cho biết gia đình đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo, giao trực tiếp cho anh P (gồm thông báo về việc thụ lý vụ án, các thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải) nhưng anh P không đến Tòa án. Do anh Nguyễn Đức P vắng mặt tại các phiên họp, phiên hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa ngày 14/6/2018, anh Nguyễn Đức P vắng mặt nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa, ấn định ngày mở lại phiên tòa vào ngày 19/6/2018, đồng thời tổng đạt quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập cho anh P. Tại phiên tòa hôm nay, anh P tiếp tục vắng mặt lần thứ hai.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng, không có mặt tại các phiên họp, phiên hòa giải, vắng mặt tại các phiên tòa không rõ lý do làm ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết vụ án.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo Điều 175, Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì việc tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nêu trên là hợp lệ nhưng bị đơn cố tình vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và hai lần vắng mặt tại phiên tòa. Bởi vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Đức P tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 27/8/2010 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Do đó, quan hệ hôn nhân của chị T và anh P là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T, Hội đồng xét xử xét thấy sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là tính tình vợ chồng không hợp, thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau, quan hệ

vợ chồng không hòa hợp. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 12/2017 cho đến nay, không ai quan tâm chăm sóc cho nhau. Tòa án đã nhiều lần thông báo hòa giải nhưng anh Phúc cố tình vắng mặt, không có thiện chí hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ; chứng tỏ tình trạng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Trần Thị T.

[2.2] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị T. Chị T được ly hôn anh Nguyễn Đức P.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 001716 ngày 17/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Lộc. Chị Trần Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND Phú Lộc;
- Chi cục THADS Phú Lộc;
- UBND xã Lộc Bồn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

PHAN SANG